

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

- Tên gói thầu:** Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình
- Dự án:** Kè Sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.
- Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Khánh Hòa, tháng 7 năm 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số
E-TBMT: _____

Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình

Dự án: Kè Sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.

Phát hành ngày:/7/2025

Theo Quyết định số: 334/QĐ-BQL ngày 30/7/2025

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
TỈNH KHÁNH HÒA

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hiến

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN LẬP HSMT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
SAO KIẾN TRÚC

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Anh Vũ

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh và đăng tải lên hệ thống để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm</p>

	<p>toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSĐT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật này, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSĐT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSĐT của Chủ đầu tư trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSĐT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSĐT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc</p>
--	--

	<p>gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSMT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (scan file và đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p>

	<p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC:</p> <p>10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được nhà thầu scan và đính kèm theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được nhà thầu scan và đính kèm theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để

<p>giá</p>	<p>thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>14. Đề xuất kỹ thuật</p>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>16. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>

	<p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSĐXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT. <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai và đính kèm trên hệ thống và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSĐT chào thừa hoặc thiếu số

	<p>lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.
	<p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Đối với các nội dung bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>)

	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì thông tin kê khai là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có</p>

	<p>thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu.</p>
	<p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p>

	<p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p>
	<p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p>

	<p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
	<p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà</p>

	<p>thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); đ) Bố trí điều kiện làm việc; e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng; g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác. <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p>
--	--

	<p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
	<p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời thầu.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể</p>

<p>chọn nhà thầu</p>	<p>từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế;
	<ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp</p>

	<p>đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Dự thảo hợp đồng;</p> <p>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;</p> <p>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;</p> <p>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.</p> <p>Tên dự án: Kè Sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa (Địa chỉ: Số 37 đường Tô Vĩnh Diện, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa). - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn vị lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Sao kiến trúc (Địa chỉ: 218A Ngô Gia Tự, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa). + Đơn vị thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Hoàng Quốc (Địa chỉ: Tổ 23, thôn Võ Cảnh, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa). <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với các đơn vị (đã nêu trên).</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật: “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh</p>

	<p>nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ: Không áp dụng
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND
E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>* Về hợp đồng tương tự: Tài liệu để chứng minh kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Bảng số 01, Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, Chương III, E-HSMT.</p> <p>* Về nhân sự chủ chốt: Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, tài liệu chứng minh kinh nghiệm và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan</p> <p>Lưu ý: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh về năng lực và kinh nghiệm (Tài liệu là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực)</p> <p>(Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư yêu cầu và nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp bản gốc các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng, năng lực, kinh nghiệm nhân sự tham gia gói thầu hoặc các tài liệu khác nếu cần thiết).</p> <p>- Tài liệu làm rõ E-HSMT (nếu có yêu cầu).</p> <p>- Các tài liệu khác theo yêu cầu của E-HSMT.</p>
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu.
E-CDNT 14.3	Không áp dụng
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là:

	<p>Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm</p> <p>Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá</p>
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	<p>- Người có thẩm quyền: Văn phòng UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Địa chỉ: Số 01 Trần Phú, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (địa chỉ tạm thời: 46 Trần Phú, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa).</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa.</p>
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2024.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có): Không quy định.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:



Bảng số 01 (Scan và đính kèm trên Hệ thống)

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu		15		
	a. Đã thực hiện hoàn thành gói thầu / hợp đồng có tính chất tương tự trong vòng 05 năm trở lại đây (ngày hoàn thành tính từ ngày 01/07/2020). [“Hợp đồng/gói thầu có tính chất tương tự” là: Hợp đồng Tư vấn Khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập thiết kế bản vẽ thi công công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV trở lên, trong đó có các hạng mục: (i) Kè bảo vệ bờ có hình thức Kè mái nghiêng kết hợp tường đứng; kết cấu chân kè là cừ ván bê tông dự ứng lực. (ii) Đường giao thông có kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt. (iii) Hệ thống điện chiếu sáng.] [“Đã hoàn thành” là hợp đồng đã thực hiện toàn bộ. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu để chứng minh, gồm: + Hợp đồng tư vấn xây dựng; + Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó phải có thể hiện tính chất công trình); + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc biên bản thanh lý hợp đồng + Hóa đơn VAT; ≥ 2 hợp đồng 1 hợp đồng Không có hợp đồng nào		7		
1	b. Phòng thí nghiệm đối với hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phục vụ gói thầu được cấp có thẩm quyền của Nhà nước công nhận là phòng thí nghiệm hợp chuẩn (có dấu LAS-XD). - Phòng thí nghiệm thuộc sở hữu của nhà thầu - Phòng thí nghiệm do nhà thầu đi thuê hoặc liên kết thực hiện (Phòng thí nghiệm không thuộc sở hữu của nhà thầu) - Nhà thầu không bố trí phòng thí nghiệm phục vụ gói thầu		1	1 0.7 0	
	c. Máy móc thiết bị, phần mềm bố trí theo yêu cầu tối thiểu của hồ sơ mời thầu bao gồm:		2		

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Máy toàn đạc: 01 Máy thủy bình: 01 Máy khoan địa chất: 01 Máy đo GPS: 02 Phần mềm bản quyền phục vụ khảo sát: 01 Phần mềm bản quyền phục vụ thiết kế: 01 Phần mềm bản quyền phục vụ lập dự toán: 01				
	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê theo hợp đồng nguyên tắc và kèm theo tài liệu chứng minh máy móc thiết bị, phần mềm thuộc sở hữu của bên cho thuê (còn thời hạn).				
	- Bố trí đầy đủ và 100% máy móc thiết bị, phần mềm thuộc sở hữu của nhà thầu			2	
	- Bố trí đầy đủ trong đó có máy móc thiết bị, phần mềm nhà thầu đi thuê			1.4	
	- Bố trí không đầy đủ (thiếu từ 01 chủng loại hoặc số lượng máy móc thiết bị, phần mềm)			0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và 18 của Nghị định số 24/2024/ NĐ-CP.		5		
	- Nhà thầu không vi phạm và có cam kết			5	
	- Nhà thầu vi phạm			0	
	Giải pháp và phương pháp luận		35		24.5
	a. Hiểu rõ mục đích và yêu cầu gói thầu		15		
	- Có phân tích rõ ràng, chi tiết về dự án, về quy mô gói thầu (mô tả chi tiết kèm theo hình ảnh phù hợp về các vị trí quan trọng như: điểm đầu, điểm cuối, các vị trí kết nối với đường hiện hữu, đường tận dụng,.....vị trí xây dựng của công trình) và có đưa ra đề xuất đảm bảo chất lượng có tính hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của E-HSMT			15	
3	- Có phân tích cơ bản rõ ràng về dự án, về quy mô gói thầu (mô tả chi tiết kèm theo hình ảnh phù hợp về các vị trí quan trọng như: điểm đầu, điểm cuối, các vị trí kết nối....vị trí xây dựng của công trình) và có đưa ra đề xuất đảm bảo chất lượng cơ bản phù hợp với yêu cầu của HSMT			10.5	
	- Có phân tích nhưng chưa đủ về dự án, về quy mô gói thầu (kèm theo hình ảnh phù hợp về các vị trí quan trọng như: điểm đầu, điểm cuối, các vị trí kết nối....vị trí xây dựng của công trình) và có đưa ra đề xuất đảm bảo chất lượng cơ bản phù hợp với yêu cầu của HSMT			5	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
		- Không thuộc các trường hợp nêu trên hoặc không có phân tích về dự án hoặc không kèm theo hình ảnh hoặc không có đưa ra đề xuất đảm bảo chất lượng		0	
		b. Cách tiếp cận và phương pháp luận	10		
		- Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.		10	
		- Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu, các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể tương đối hoàn chỉnh và logic; có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án nhưng chưa hợp lý, khả thi		7	
		- Đề xuất kỹ thuật các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu, các hạng mục công việc không được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án nhưng chưa hợp lý, khả thi		3.5	-
		- Đề xuất kỹ thuật không đầy đủ tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc không được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời không có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.		0	
		c. Sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu phù hợp với các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành	1		
		- Đề xuất có các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu		1	
		- Đề xuất có sáng kiến cải tiến tuy nhiên vẫn chưa cho thấy sự hiệu quả rõ ràng		0.7	
		- Đề xuất không có sáng kiến		0	
		d. Cách trình bày	2		
		- Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi		2	
		- Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, một số điểm vẫn chưa khoa học		1.4	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
		- Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách không hợp lý		0	
		đ. Kế hoạch triển khai	3		
		- Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng. Có Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo đầy đủ, hợp lý đáp ứng tiến độ yêu cầu của gói thầu		3	
		- Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách tương đối hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng. Có Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo đầy đủ, hợp lý đáp ứng tiến độ yêu cầu của gói thầu		2.1	
		- Kế hoạch triển khai có chi tiết, cụ thể nhưng chưa đầy đủ; thời gian thực hiện công việc đáp ứng tiến độ yêu cầu của gói thầu		1	
		- Kế hoạch triển khai chưa chi tiết, cụ thể; thời gian thực hiện công việc chưa đáp ứng tiến độ yêu cầu của gói thầu		0	
		e. Bố trí nhân sự	2		
		- Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của E-HSMT, thời điểm và thời gian huy động nhân sự tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai		2	
		- Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của E-HSMT, thời điểm và thời gian huy động nhân sự tư vấn tương đối phù hợp với kế hoạch triển khai		1.4	
		- Nhân sự được bố trí không theo theo yêu cầu của E-HSMT, thời điểm và thời gian huy động nhân sự tư vấn chưa phù hợp với kế hoạch triển khai		0	
		f. Quy trình đảm bảo chất lượng	2		
		- Nhà thầu có chứng nhận ISO về hệ thống quản lý chất lượng. Có quy trình đảm bảo chất lượng công tác tính toán rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu gói thầu		2	
		- Nhà thầu có quy trình đảm bảo chất lượng công tác tính toán cơ bản rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu gói thầu		1.4	
		- Nhà thầu không có quy trình đảm bảo chất lượng		0	
4	Nhân sự		50		35
4.1.	Chủ nhiệm thiết kế: 01 người		10		

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét</p> <p>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý);</p> <p>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</p>				
	a. Trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành xây dựng		2		
	Trên đại học			2	
	Đại học			1.4	
	Dưới đại học			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		2		
	≥ 20 năm			2	
	15 - < 20 năm			1.7	
	10 - < 15 năm			1.4	
	< 10 năm			0	
	c. Đã làm Chủ nhiệm dự án/ Chủ nhiệm thiết kế công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV trở lên có hạng mục Kè bảo vệ bờ sông bằng bê tông cốt thép * Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:		6		
	1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;				
	2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.				
	≥ 2 công trình			6	
	1 công trình			4.2	
	Không có công trình nào			0	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Chủ trì thiết kế xây dựng hạng mục NN&PTNT: 01 người <i>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét</i> <i>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)</i>		6		
4.2	<i>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</i>				
	a. Trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành xây dựng		1		
	<i>Trên đại học</i>			1	
	<i>Đại học</i>			0.7	
	<i>Dưới đại học</i>			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẽ thì ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		2		
	≥ 15 năm			2	
	$10 - < 15$ năm			1.7	
	$5 - < 10$ năm			1.4	
	< 5 năm			0	
c. Đã làm Chủ trì thiết kế công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV trở lên có hạng mục Kè bảo vệ bờ sông bằng bê tông cốt thép <i>* Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:</i>					
<i>1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;</i>		3			
<i>2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực; Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.</i>					
≥ 2 công trình				3	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>1 công trình</i>			2.1	
	<i>Không có công trình nào</i>			0	
	Chủ trì tính toán thủy lực: 01 người <i>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét</i> <i>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)</i> <i>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</i>				
	4.3	a. Trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành xây dựng	5		
		<i>Trên đại học</i>		1	
		<i>Đại học</i>		0.7	
		<i>Dưới đại học</i>		0	
		b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)	2		
		≥ 15 năm		2	
		10 - < 15 năm		1.7	
		5 - < 10 năm		1.4	
		< 5 năm		0	
		c. Đã làm phân tích, tính toán thủy lực công trình kè sông có chiều dài tối thiểu 1km, cấp IV trở lên. <i>* Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:</i> 1. <i>Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;</i> 2. <i>Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.</i>	2		
		≥ 2 công trình		2	
		<i>1 công trình</i>		1.4	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Không có công trình nào			0	
	Chủ trì thiết kế giao thông: 01 người - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) từ hạng III trở lên còn hiệu lực - Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)		5		
	* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.				
	a. Trình độ từ đại học chuyên ngành xây dựng		1		
	Đại học			1	
	Dưới đại học			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		2		
	≥ 10 năm			2	
	5 - < 10 năm			1.4	
	< 5 năm			0	
4.4	c. Kinh nghiệm làm Chủ trì thiết kế công trình hoặc hạng mục đường giao thông (bê tông nhựa) cấp IV trở lên. * Nhà thầu gửi kèm E-HSĐT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự: 1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình; 2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.		2		
	≥ 2 công trình			2	
	1 công trình			1.4	
	Không có công trình nào			0	
4.5	Chủ trì thiết kế điện: 01 người - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét.		4		

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)</p> <p>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</p>				
	a. Trình độ đại học chuyên ngành Cơ, Điện.		1		
	Đại học			1	
	Dưới đại học			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẽ thì ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		1		
	≥ 10 năm			1	
	5 - < 10 năm			0.7	
	< 5 năm			0	
	c. Đã là chủ trì thiết kế công trình có hạng mục điện chiếu sáng cấp IV và trạm biến áp 100kVA				
	* Nhà thầu gửi kèm E-HSĐT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:				
	1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;		2		
	2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.				
	≥ 2 công trình			2	
	1 công trình			1.4	
	Không có công trình nào			0	
4.6	Chủ trì thiết kế hệ thống thoát nước : 01 người				
	- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế hệ thống thoát nước công trình từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét.		4		
	- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)				

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.				
	a. Trình độ		1		
	Đại học			1	
	Dưới đại học			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		1		
	≥ 10 năm			1	
	5 - < 10 năm			0.7	
	< 5 năm			0	
	c. Đã là chủ trì thiết kế hệ thống thoát nước công trình hạ tầng kỹ thuật / giao thông/ nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp IV trở lên (kèm theo tài liệu chứng minh)				
	* Nhà thầu gửi kèm E-HSĐT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:				
	1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;		2		
	2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.				
	≥ 2 công trình			2	
	1 công trình			1.4	
	Không có công trình nào			0	
4.7	Chủ trì khảo sát địa hình: 01 người - Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét. - Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý) * Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh		4		

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</i>				
	a. Trình độ		1		
	<i>Đại học</i>			<i>1</i>	
	<i>Dưới đại học</i>			<i>0</i>	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẽ thì		1		
	lẽ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)				
	<i>≥ 10 năm</i>			<i>1</i>	
	<i>5 - < 10 năm</i>			<i>0.7</i>	
	<i>< 5 năm</i>			<i>0</i>	
	c. Đã làm Chủ trì khảo sát địa hình công trình NNPTNT/ Công trình giao thông/Công trình thủy lợi, cấp IV trở lên.				
	<i>* Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:</i>				
	<i>1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;</i>		2		
	<i>2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.</i>				
	<i>≥ 2 công trình</i>			<i>2</i>	
	<i>1 công trình</i>			<i>1.4</i>	
	<i>Không có công trình nào</i>			<i>0</i>	
4.8	Chủ trì khảo sát địa chất: 01 người				
	<i>- Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất từ hạng III trở lên còn hiệu lực mới được xem xét.</i>				
	<i>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)</i>		4		
	<i>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</i>				
	a. Trình độ		1		
	<i>Đại học</i>			<i>1</i>	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>Dưới đại học</i>			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		1		
	≥ 10 năm			1	
	5 - < 10 năm			0.7	
	< 5 năm			0	
	c. Đã làm Chủ trì khảo sát địa chất công trình cấp III trở lên.				
	<i>* Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:</i>				
	<i>1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;</i>		2		
	<i>2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.</i>				
	≥ 2 công trình			2	
	1 công trình			1.4	
	Không có công trình nào			0	
	Chủ trì lập dự toán: 01 người				
	<i>- Có chứng chỉ hành nghề định giá từ hạng II trở lên còn hiệu lực mới được xem xét.</i>				
	<i>- Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý)</i>		5		
	<i>* Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về bằng cấp, thâm niên công tác và kinh nghiệm thực hiện dự án.</i>				
4.9	a. Trình độ		1		
	Đại học			1	
	Dưới đại học			0	
	b. Thâm niên công tác (tính từ năm tốt nghiệp đại học, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		1		
	≥ 10 năm			1	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	5 - < 10 năm			0.7	
	< 5 năm			0	
	c. Đã là chủ trì lập tổng mức đầu tư / dự toán xây dựng công trình NNPTNT/ Công trình giao thông/Công trình thủy lợi, nhóm B, cấp IV trở lên. * Nhà thầu gửi kèm E-HSDT tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự:				
	1. Tài liệu chứng minh quy mô, loại, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hoặc Báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn có thể hiện quy mô, loại, cấp công trình;		3		
	2. Bản scan từ bản gốc hoặc từ bản sao có chứng thực: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư; Các tài liệu thể hiện chức danh đề xuất. Lưu ý: Quyết định cử cán bộ của nhà thầu sẽ không được xem xét.				
	≥ 2 công trình			3	
	1 công trình			2.1	
	Không có công trình nào			0	
4.10	Các (nhóm) chuyên gia tham gia khảo sát, thiết kế: 15 người. * Nhà thầu gửi kèm E-HSDT bản scan màu từ bản gốc (hoặc bản sao y chứng thực) các tài liệu sau để chứng minh: 1. Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề tương ứng với chức danh đề xuất; 2. Hợp đồng lao động (Đối với trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu (Đối với trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý); * Lưu ý: Trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề thì không được tiếp tục đánh giá chấm điểm về số năm kinh nghiệm và kinh nghiệm thực hiện dự án.		3		
	a. Kỹ sư khảo sát địa hình (1 người): - Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình công trình, hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		0.2	-Đáp ứng đầy đủ: 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: 0	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>b. Kỹ sư khảo sát địa chất (1 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất công trình, hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm) 		0.2	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: 0 	
	<p>c. Kỹ sư thiết kế hạng mục NN&PTNT (5 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (làm tròn năm, tính từ năm tốt nghiệp đại học) 		1 (mỗi người 0.2)	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0 	
	<p>c. Kỹ sư tính toán thủy lực (1 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm) 		0.2	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: 0 	
	<p>e. Kỹ sư thiết kế hạng mục giao thông (2 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông (đường bộ) hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm) 		0.4 (mỗi người 0.2)	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0 	
	<p>f. Kỹ sư thiết kế hạng thoát nước (01 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế hệ thống thoát nước công trình từ hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm) 		0.2	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: 0 	
	<p>g. Kỹ sư thiết kế hạng mục điện (1 người):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình cấp III còn hiệu lực. - Có trình độ đại học trở lên và - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm) 		0.2	<ul style="list-style-type: none"> -Đáp ứng đầy đủ: 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: 0 	

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	h. Kỹ sư lập dự toán (3 người): - Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III trở lên còn hiệu lực. - Có trên 03 năm kinh nghiệm (tính từ năm tốt nghiệp, nếu tổng số tháng quy đổi sang năm có lẻ thì lẻ ≥ 09 tháng được tính là 1 năm)		0.6 (mỗi người 0.2)	-Đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0.2 - Không đáp ứng đầy đủ: mỗi người 0	
	Tổng cộng (1+2+3+4)		100		70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ $\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp_{dang xét} = K x Điểm kỹ thuật_{dang xét} + G x Điểm giá_{dang xét}

Trong đó:

- + Điểm kỹ thuật_{dang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
 - + Điểm giá_{dang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
 - + K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%: **80%**;
 - + G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%: **20%**;
 - + K + G = 100%;
 - Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.
-

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện		
			Chủ đầu tư	Nhà thầu	
1	Mẫu số 01A. Hạng mục công việc của gói thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	X		
E-HSDXKT					
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT	Scan đính kèm lên Hệ thống		X	
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Webform		X	
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X	
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X	
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X	
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X	
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X	
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV	Scan đính kèm lên Hệ thống		X	
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X	
E-HSDXTC					
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X	
12	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X	
13	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X		

Mẫu số 01 (Scan đính kèm lên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình	Trọn gói	1,0
2.	Khảo sát địa hình, địa chất	Trọn gói	1,0

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXKT)

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___
[*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____ %

		-	- %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số*]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____[Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).



Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...]
						Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]						Tổng
		1	2	3	4	5	
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1: 1) Thu thập dữ liệu 2) Soạn thảo báo cáo 3) Báo cáo sơ bộ 4) Tổng hợp ý kiến 5) ... 6) Báo cáo cuối cùng]							
2	[Hạng mục công việc 2]							
...								
n								

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	...	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê)]	[Công ty] [Thực địa]				[Hệ thống tự tính] [Hệ thống tự tính]
2					[Công ty] [Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu]	Nhà thầu chọn một trong hai	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]

Mẫu số 10 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾***(thuộc E-HSDXTC)*Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm 8% VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phân công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1	Khảo sát địa hình, địa chất	Trọn gói	01		
2	Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình	Trọn gói	01		
Tổng cộng					M=(M1)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. GIỚI THIỆU:

I.1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

a) Khái quát dự án

- Tên dự án: Kè sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang.

- Nhóm công trình: Dự án thuộc dự án nhóm B (Theo luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024);

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ).

- Cấp công trình:

+ Hạng mục Kè bờ sông: Cấp IV (cấp quản lý và kỹ thuật);

+ Hạng mục đường đĩnh kè kết hợp giao thông:

○ Đoạn đầu - đường qui hoạch lộ giới 10m: Đường đô thị nội bộ chính (TCVN 13592-2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế), cấp kỹ thuật 30.

○ Đoạn sau – đường đĩnh kè kết hợp quản lý vận hành: Tương đương cấp B – Đường giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014);

- Các chỉ tiêu chính thiết kế Kè:

+ Tần suất mực nước lũ thiết kế : $P = 10,0\%$;

+ Hệ số ổn định chống trượt cung tròn (tổ hợp CB) : $K_{cb} = 1,20$;

+ Hệ số ổn định chống trượt cung tròn (tổ hợp ĐB) : $K_{đb} = 1,10$;

+ Độ cao an toàn của đê : $a=0,30m$;

Tuy nhiên công trình có những đoạn nằm trên nền đất yếu cần phải xử lý nền vận dụng tiêu chuẩn TCCS 41:2022 “Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu”. Từ đó xác định được hệ số an toàn cho công trình trên các đoạn xử lý nền

+ Hệ số ổn định $K_{min} = 1,20$ (Thi công)

+ Hệ số ổn định $K_{min} = 1,40$ (Vận hành)

- Các chỉ tiêu chính thiết kế Đường:

+ Đoạn đầu - đường qui hoạch lộ giới 10m: Đường giao thông đô thị, đường nội bộ, cấp kỹ thuật 30, Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30 \text{ km/h}$.

+ Đoạn sau – đường đĩnh kè kết hợp quản lý vận hành: Tương đương cấp B – Đường giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014), vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 20 \text{ km/h}$;

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa.

- Địa điểm xây dựng: Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tổng mức đầu tư: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 – 2028.

1. Mục tiêu dự án:

Bảo vệ khu dân cư thôn Xuân Phong, phường Bắc Nha rang tránh xói lở, hạn chế ngập lụt, góp phần phòng lũ sông Cái sau khi các đoạn còn lại được đầu tư đồng bộ. Đảm bảo mỹ quan đô thị, an toàn, thuận lợi cho tàu thuyền qua lại, cập bờ sông Cái.

Đường đê/kè phục vụ quản lý, vận hành, sửa chữa, hộ đê/kè kết hợp thành giao thông dọc sông kết nối mạng giao thông nội bộ.

2. Quy mô dự án:

Thông số kỹ thuật chính của công trình

TT	Thông số	Đơn vị	Thông số TKCS	Ghi chú
I	Cấp, chỉ tiêu thiết kế			
-	Cấp công trình tổng thể		IV	
-	Cấp hạng mục Kè bờ sông		IV	
-	Cấp hạng mục đường qui hoạch lộ giới 10m (đoạn K0+15÷K0+340)		Đường giao thông đô thị, đường nội bộ, cấp kỹ thuật: 30; vận tốc thiết kế: 30km/h	
	Cấp hạng mục đường đoạn K0+340m ÷ K1+610m		Tương đương cấp B - giao thông nông thôn (TCVN 10380:2014); vận tốc thiết kế: 20km/h	
-	Tần suất mực nước lũ thiết kế	P%	P=10%	
II	Hạng mục kè			
-	Chiều dài kè	m	1.610	Trong đó có khoảng 15 đầu là đoạn chuyển tiếp kè hiện trạng.
-	Hình thức		Kè mái nghiêng kết hợp tường đứng	
-	Cao trình đỉnh kè	m	5,60 ÷ 5,00	
-	Cao trình đỉnh chân Kè	m	2,0	
-	Bề rộng đỉnh chân kè	m	1,5	
-	Hệ số mái Kè phía sông		m=2,0	
	Kết cấu đỉnh Kè		BTCT M250	
-	Kết cấu mái Kè phía sông		Tấm lát bê tông đúc sẵn M250, đá 1x2, dày 20cm trên lớp dăm lót 1x2cm dày 15cm và vải địa kỹ thuật	

TT	Thông số	Đơn vị	Thông số TKCS	Ghi chú
-	Kết cấu chân Kè		Cừ ván bê tông dự ứng lực kết hợp gia cố bằng đồng đá đồ và rọ đá chống xói. Một số đoạn bổ sung hệ neo tăng cường bằng tường neo BTCT kết hợp cáp DƯL	
-	Kết cấu thân Kè		Đất đắp kết hợp đắp cát	
-	Giải pháp xử lý nền		Giếng cát	
II	Hạng mục Đường đĩnh kè			
	Tổng chiều dài đường đĩnh kè		1.704,0	Gồm cả đoạn kết nối hiện trạng đầu tuyến
1	Đoạn kết nối hiện trạng đầu tuyến		109,0	
2	Đoạn K0+15 ÷ K0+340m: Theo qui hoạch giao thông			
-	Chiều dài tuyến đường	m	325,0	
-	Bề rộng mặt đường	m	6,0	
-	Bề rộng vỉa hè phía sông	m	2,0	
-	Bề rộng vỉa hè phía dân cư	m	2,0	
-	Bề rộng nền đường	m	10,0	
-	Kết cấu mặt đường		Mặt đường gồm 2 lớp bê tông nhựa chặt, tổng chiều dày 12cm; Móng đường từ trên xuống gồm lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, cấp phối đá dăm loại II dày 18cm, đất đắp cấp phối sỏi đồi K \geq 98 dày 50cm	
-	Kết cấu vỉa hè		Kết cấu lát gạch Terrazzo trên bê tông lót	
3	Đoạn từ K0+340m ÷ K1+610m: Đường đĩnh kè kết hợp quản lý vận hành			
-	Chiều dài tuyến đường	m	1270,0	
-	Bề rộng mặt đường	m	5,0	
-	Bề rộng vỉa hè phía sông	m	3,0	
-	Bề rộng nền đường	m	8,0	
-	Kết cấu đường		Bê tông M300 dày 18cm, giấy dầu tạo phẳng, cấp phối đá dăm loại I dày 14cm	

TT	Thông số	Đơn vị	Thông số TKCS	Ghi chú
-	Kết cấu vỉa hè phía sông		Kết cấu lát gạch Terrazzo trên bê tông lót	
III	Công trình phụ trợ			
1	Cửa điều tiết	cái	02 cái	
-	Hình thức		Cổng hộp có cửa van điều tiết	
-	Kết cấu		BTCT	
2	Cổng xả qua Kè	cái	03 cái	
3	Hệ thống thoát nước mặt đường đoạn đường K0 ÷ K0+340		- Hệ thống cống dọc là BTLT D800; - Cống thu nước ngang HDPE D200	
4	Hệ thống điện chiếu sáng và quản lý vận hành		- Xây dựng nhánh rẽ trung áp 22kV 3 pha cấp điện cho trạm biến áp thiết kế, nguồn đầu nối của tuyến rẽ vào tuyến hiện có; - Xây dựng 01 trạm biến áp 100kVA-22/0,4kV; - Xây dựng đường dây cáp ngầm hạ áp 3 pha cấp điện cho 2 cửa điều tiết; - Xây dựng mới trụ chiếu sáng cần đơn, trụ cao 7 mét, cần đèn cao 2m vươn 1,5 mét; Loại đèn Led 100W/220V	

b) Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, đấu thầu qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 2 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 70 ngày.

I.2. Văn bản pháp lý của dự án và gói thầu

- Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 28/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa V/v Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Kè sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương);

- Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 02/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 28/07/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Kè sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương);

- Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Kè sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang;

- Quyết định số 301/QĐ-BQL ngày 15/7/2025 của Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (giai đoạn thực hiện dự án), dự án Kè sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang;

I.3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn

- Ban QLDA Phát triển tỉnh Khánh Hòa tổ chức lựa chọn nhà thầu nhằm tuyển chọn nhà thầu tư vấn có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của HSMT để thực hiện dịch vụ Khảo sát lập thiết kế BVTC – dự toán xây dựng công trình cho Kè sông Cái đoạn qua thôn Xuân Phong, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu về quy mô theo hồ sơ BCNCKT đã được phê duyệt và đảm bảo chi phí đúng quy định của Nhà nước và đáp ứng được các nội dung yêu cầu chất lượng, tiến độ của gói thầu.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

II.1. Phạm vi dự án

- Địa điểm xây dựng: Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

II.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

➤ Thiết kế Kè:

- TCVN 12845:2020. Công trình thủy lợi - thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- TCVN 9902:2016 – Công trình Thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;
- TCVN 8419:2022 – Công trình bảo vệ đê, bờ sông – Yêu cầu thiết kế
- Quy chuẩn Việt Nam TCVN 8421:2010 về Công trình thủy lợi – Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu.
- TCVN 4253-2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 11713:2017 Gia cố nền đất yếu bằng giếng cát – thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9844:2013 - Vải địa kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu
- TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi–Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công.
- TCVN 9152: 2012 - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi;
- TCVN 4116:1985 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công.
- TCVN 10304 - 2014 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9394 - 2012 Đóng và ép cọc – thi công và nghiệm thu;

- TCVN 13615:2022: Tính toán các đặc trưng Thủy văn thiết kế
 - TCVN 10406:2015 Công trình thủy lợi - Tính toán hệ số tiêu thiết kế.
 - TCVN 8298:2009: Yêu cầu kỹ thuật chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;
 - TCVN 8299 : 2009 - Công trình Thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép;
 - TCVN 8301: 2009 Công trình thủy lợi – Máy đóng mở kiểu vít – Yêu cầu thiết kế, kỹ thuật trong chế tạo, lắp đặt, nghiệm thu;
 - TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
 - TCVN 9160:2012: CTTL – Yêu cầu thiết kế dẫn dòng trong xây dựng;
 - TCVN 9162:2012: Công trình thủy lợi – Đường thi công – Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 10335:2014: Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật.
 - Và một số quy chuẩn, tiêu chuẩn, qui phạm khác có liên quan.
- **Thiết kế Đường đĩnh Kè:**
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/ TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng
 - QCVN 07-4:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật QG các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông;
 - QCVN 07-2:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;
 - TCVN 4054:2005: Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
 - TCCS 41:2022/TCĐBVN_Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên đất yếu;
 - TCCS 31-2020/TCĐBVN Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát
 - TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
 - TCVN 11823:2017: Bộ tiêu chuẩn Thiết kế cầu đường bộ;
 - QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
 - QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;
 - TCVN 10797:2015: Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn;
 - TCVN 9113:2012: Tiêu chuẩn quốc gia về Ống bê tông cốt thép thoát nước;
 - TCVN 10799:2015: Gói công bê tông đúc sẵn;
 - TCVN 11713:2017 Gia cố nền đất yếu bằng giếng cát – thi công và nghiệm thu;
 - TCVN 9844:2013 Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vại địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu.

- TCVN 9116:2012 Công hợp bê tông cốt thép.
- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông
- TCVN 13567-1 : 2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1 : Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường
- TCVN 9845:2013 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ
- TCVN 7957:2023 Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài
- TCVN 10333-1:2014, Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Phần 1: Hồ thu nước mưa và hồ ngăn mùi.
- TCVN 10333-2:2014, Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Phần 2: Giếng thăm hình hộp.
- TCVN 10333-3:2014 Hồ ga bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn – Phần 3: Nấp và song chắc rác
- Và một số quy chuẩn, tiêu chuẩn, qui phạm khác có liên quan.
- **Thiết kế Điện chiếu sáng:**
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện QCVN 01:2020/BCT do Bộ Công thương ban hành theo Quyết định số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện QCVN QTĐ-5:2009/BCT, QTĐ-6:2009/BCT, QTĐ-7:2009/BCT, QTĐ-8:2010/BCT.
- Thông tư số 04/2011/TT-BCT ngày 16/02/2011 của Bộ Công Thương về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia “Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị” QCVN 07:2023/BXD do Bộ Xây dựng ban hành theo Thông tư 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023.
- Quy chuẩn QCVN 02:2022/BXD về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Quy phạm trang bị điện từ tập 11TCN-18-2006 đến 11TCN-21-2006.
- Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực
- Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 về việc “Quy định hệ thống điện phân phối”; Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BCT, Thông tư 39/2015/TT-BCT và Thông tư 30/2019/TT-BCT.
- Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13/9/2006 của Bộ Công nghiệp ban hành “Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn”.

- Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành “Quy định kỹ thuật điện nông thôn”.
- Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 về việc ban hành Qui trình An toàn Điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Quyết định số 110/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật chống sét van 22, 35 và 110 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Quyết định số 112/QĐ-HĐTV ngày 21/9/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật cách điện đường dây điện áp 22, 35 và 110 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện 0,4 - 110 kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Trung, mã hiệu: EVN CPC-KT/QĐ.17 ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung.
- Quyết định số 74/QĐ-KHPC ngày 03/4/2024 của Công ty CP Điện lực Khánh Hòa về việc áp dụng tại Công ty CP Điện lực Khánh Hòa Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị lưới điện 0,4-110kV áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.
- Tiêu chuẩn TCVN 5408:2007 về lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép.
- Tiêu chuẩn TCVN 9346:2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển.
- Tiêu chuẩn TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- Tiêu chuẩn về thiết kế TCXDVN 5574:2018 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 1651-1:2018; TCVN 1651-2:2018 về thép cốt bê tông.
- Tiêu chuẩn về thiết kế TCXDVN 5575:2012 kết cấu thép.
- Tiêu chuẩn TCVN 4447: 2012 về công tác đất - thi công và nghiệm thu.
- Tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 về cột điện bê tông cốt thép ly tâm.
- Tiêu chuẩn TCVN 5774:2018 về thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- Các quy trình, quy phạm và các văn bản hiện hành khác có liên quan.
- Các tiêu chuẩn IEC có liên quan, các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng liên quan theo các TCVN hiện hành áp dụng trong các ngành xây dựng.
- Và các tiêu chuẩn, quy phạm liên quan khác.

II.3. Phạm vi công việc và nhiệm vụ của nhà thầu Tư vấn

Nhiệm vụ của Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình thể hiện:

(i) Khảo sát địa hình và địa chất để phục vụ lập thiết kế gồm:

- Lập nhiệm vụ khảo sát
- Lập phương án kỹ thuật khảo sát
- Khảo sát địa hình ngoài thực địa

- Khoan khảo sát địa chất ngoài thực địa
- Thí nghiệm tính chất cơ lý của mẫu đất
- Thí nghiệm tính chất hóa lý của mẫu nước ngầm
- Lập báo cáo khảo sát địa hình và địa chất.

- **Khối lượng cụ thể công tác khảo sát như sau** (dựa theo khối lượng công việc khảo sát giai đoạn thực hiện dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

STT	Tên công việc khảo sát	Đơn vị	Khối lượng
I	Khảo sát địa hình		
1.	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/500, Đường đồng mức 1m, Cấp địa hình III	ha	6,76
2.	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/500, Đường đồng mức 1m, Cấp địa hình III	ha	4,51
3.	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/200, Đường đồng mức 0,5m, Cấp địa hình III	ha	1
4.	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn, Cấp địa hình III	100m	16,1
5.	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn, Cấp địa hình III	100m	19,5
6.	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước, Cấp địa hình III	100m	13,0
7.	Đo khống chế độ cao, Thủy chuẩn kỹ thuật, Cấp địa hình III	km	1,61
8.	Cắm mốc tìm tuyến công trình, Cấp địa hình III	mốc	40
9.	CP phương tiện nổi phục vụ đo địa hình dưới nước - Ca nô 30CV	ca	10
10.	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp II, địa hình cấp III.	Điểm	04
II	Khảo sát địa chất		
11.	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá I-III	m khoan	256,33
12.	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá I-III	m khoan	139,33
13.	Chi phí phương tiện nổi dùng trong công tác khoan địa chất dưới nước	m	139,33
14.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, Cấp đất đá cấp I-III	lần TN	143,5
15.	Thí nghiệm và xác định chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng	chỉ tiêu	28
16.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	chỉ tiêu	30
17.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	chỉ tiêu	30
18.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	chỉ tiêu	30
19.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	chỉ tiêu	30
20.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	chỉ tiêu	30
21.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	chỉ tiêu	30
22.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	chỉ tiêu	30
23.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	chỉ tiêu	30

STT	Tên công việc khảo sát	Đơn vị	Khối lượng
24.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông	chỉ tiêu	30
25.	Thí nghiệm và xác định chỉ tiêu cơ lí của mẫu đất không nguyên dạng	chỉ tiêu	12
26.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	chỉ tiêu	12
27.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	chỉ tiêu	12
28.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	chỉ tiêu	12
29.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	chỉ tiêu	12
30.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	chỉ tiêu	12
31.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	chỉ tiêu	12
32.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	chỉ tiêu	12
33.	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý đất yếu	chỉ tiêu	6
34.	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	chỉ tiêu	65
35.	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn PP I-D	chỉ tiêu	26
36.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU	chỉ tiêu	10
37.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định sức chống cắt của đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU	chỉ tiêu	10
38.	Thí nghiệm vật liệu đất đắp tận dụng từ đất đào móng	chỉ tiêu	24
39.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	chỉ tiêu	21
40.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	chỉ tiêu	21
41.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	chỉ tiêu	21
42.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	chỉ tiêu	21
43.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	chỉ tiêu	21
44.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	chỉ tiêu	21
45.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	chỉ tiêu	21
46.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	chỉ tiêu	21
47.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông	chỉ tiêu	21
48.	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	chỉ tiêu	10
49.	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn PP I-A	chỉ tiêu	6
50.	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm (California Bearing Ratio)	chỉ tiêu	6
51.	Định vị hố khoan	điểm	21

(ii) Tính toán, kiểm tra, rà soát sự phù hợp về mặt kỹ thuật của Báo cáo thủy văn, thủy lực của dự án đã được lập và phê duyệt tại bước Lập dự án đầu tư.

Tính toán lại thủy văn, thủy lực của công trình nếu Báo cáo đã được lập ở giai đoạn Lập dự án đầu tư chưa phù hợp về mặt kỹ thuật theo quy định (nếu có).

(iii) Thiết kế được lập đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Hồ sơ thiết kế gồm thuyết minh, các bản vẽ, phụ lục tính toán và phải thể hiện được các nội dung sau:

- + Tính toán kiểm tra số liệu thủy văn, thủy lực để tính toán nền móng công trình;
- + Tính toán kiểm tra ổn định kết cấu móng công trình;
- + Tính toán kiểm tra ổn định kết cấu phân thân công trình;
- + Thiết kế biện pháp thi công tổng thể toàn bộ công trình;
- + Thiết kế phân hoàn thiện công trình;
- + Tính toán, thiết kế phần cơ – điện công trình;
- + Tính toán, thiết kế chi tiết thông số kỹ thuật của các thiết bị công trình;
- + Lập bản vẽ thiết kế chi tiết;
- + Lập thuyết minh thiết kế xây dựng công trình và các bảng tính toán kèm theo.

(iv) Lập dự toán xây dựng công trình:

- + Lập dự toán chi tiết cho từng công việc cụ thể và từng hạng mục công trình;
- + Cơ sở lập dự toán xây dựng công trình;
- + Các quy định về chế độ, định mức, đơn giá áp dụng;

(v) Lập Chỉ dẫn kỹ thuật thi công cho từng công việc cụ thể phục vụ cho quá trình thi công, nghiệm thu và thanh toán như sau:

- + Công tác định vị;
- + Công tác đất;
- + Công tác đóng / ép cọc
- + Công tác thép – cốt thép;
- + Công tác ván khuôn;
- + Công tác bê tông;
- + Công tác hạ tầng kỹ thuật;
- + Công tác hoàn thiện;
- + Công tác lắp đặt thiết bị cơ điện.

(vi) Lập quy trình bảo trì công trình

II.4. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

II.5. Cơ quan thực hiện dự án

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa.

II.6. Thời gian thực hiện gói thầu: 70 ngày.

II.7. Dự kiến thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ Tư vấn

Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Tư vấn tổ chức trình bày các kết quả thực hiện trước Chủ đầu tư và cơ quan liên quan về phương án thiết kế.

- Lập báo cáo kết quả thực hiện công việc với Chủ đầu tư hàng tuần kể từ ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn.

- Tất cả các báo cáo khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

1. Các sản phẩm giao nộp theo yêu cầu và kế hoạch báo cáo của Tư vấn được nêu trong Bảng dưới đây. Mỗi báo cáo/ tài liệu trình nộp đầu tiên ở dạng bản thảo.

2. Các sản phẩm đầu ra của các gói thầu dự kiến sẽ được trình lần lượt theo kế hoạch nêu trong Bảng dưới đây. Tư vấn sẽ đề xuất kế hoạch trình nộp các sản phẩm đầu ra chi tiết trong vòng 01 tuần sau khi dịch vụ tư vấn có hiệu lực.

3. Sau khi nhận được ý kiến góp ý từ các cơ quan liên quan, các báo cáo sẽ được chỉnh sửa và hoàn thiện. Tư vấn sẽ trình nộp bản cuối cùng của tất cả các báo cáo và tài liệu sau khi hoàn thiện theo ý kiến góp ý. Tư vấn sẽ chịu trách nhiệm hoàn thiện các sản phẩm đến khi các sản phẩm đầu ra này được phê duyệt. Số lượng bản cứng và bản mềm phải trình nộp được nêu trong Bảng dưới đây

4. Các sản phẩm chính và thời gian trình nộp được liệt kê trong bảng dưới đây. Các sản phẩm và tiến độ trình nộp báo cáo của tư vấn được trình bày trong Bảng dưới đây, cụ thể như sau:

- Đối với các dự thảo báo cáo: trình nộp ba (3) bản và kèm theo một (01) bản copy trong USB dưới dạng file “.doc”, “.dwg” và “.pdf”.

- Đối với các báo cáo, bản vẽ và hồ sơ chính thức: Sau khi Chủ đầu tư và các sở ban ngành có liên quan xem xét và sửa đổi thì phải trình mười (10) bản kèm theo một (01) bản copy trong USB lưu file “.doc”, “.dwg” và file “.pdf” để trình thẩm định và phê duyệt.

- Các báo cáo cuối cùng được phê duyệt: 10 bản kèm theo một (01) bản copy lưu trong USB.

Bảng Tiến độ giao nộp sản phẩm

STT	Mô tả đầu ra	Thời hạn trình nộp	Ngôn ngữ / Bản sao		
			Ngôn ngữ	Số lượng bản sao cứng	Số lượng Bản copy lưu trong USB
1.	Báo cáo kết quả khảo địa hình và địa chất (thực địa, phòng thí nghiệm, báo cáo kết quả khảo sát)	20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	Tiếng Việt	10 bộ	1
1.1	Nhiệm vụ khảo sát	Ngày thứ 01 sau khi ký kết hợp đồng	Tiếng Việt	10	1
1.2	Phương án khảo sát	Ngày thứ 2 đến ngày thứ 3 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	10	1
1.3	Tiến hành khảo sát ngoài thực địa và lập báo cáo khảo sát	Ngày thứ 4 đến ngày thứ 20 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	10	1

2.	Hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng phiên bản 1 (để chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thẩm tra góp ý sơ bộ)	Từ ngày thứ 20 đến ngày thứ 30 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	03	1
3.	Hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng phiên bản 2; chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh tính toán thủy lực, quy trình bảo trì phiên bản 1 (hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý lần 1 của chủ đầu tư và của đơn vị thẩm tra) để thẩm tra lần 2	Từ ngày thứ 30 đến ngày thứ 40 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	03	1
4.	Hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng phiên bản 3; chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh tính toán thủy lực, quy trình bảo trì phiên bản 2 (hoàn chỉnh theo báo cáo kết quả thẩm tra lần 2 nếu có) để trình Sở Nông nghiệp & Môi trường và Ban QLDA để thẩm định lần 1	Từ ngày thứ 40 đến ngày thứ 55 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	10	1
5.	Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh tính toán thủy lực và quy trình bảo trì (phiên bản cuối cùng) theo Kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp & Môi trường và Ban QLDA để thẩm định (lần 2) và phê duyệt	Từ ngày thứ 56 đến ngày thứ 70 sau khi ký hợp đồng	Tiếng Việt	10	1

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu cung cấp, bố trí nhân sự cần thiết đối với từng vị trí cụ thể để thực hiện gói thầu và phù hợp, đáp ứng yêu cầu về nhân sự theo E-HSMT.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- Cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho nhà thầu.
- Yêu cầu nhà thầu giải quyết những vấn đề phát sinh theo đúng quy định hiện hành.
- Tổ chức các cuộc họp với các ban ngành liên quan (nếu cần thiết) nhằm đánh giá, góp ý kiến hoàn thiện nội dung hồ sơ thiết kế do nhà thầu thực hiện.
- Đôn đốc và phối hợp với nhà thầu trong suốt quá trình thực hiện công tác tư vấn

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p>
	<p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p>

	<p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p>

	<p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
<p>6. Bảo hiểm</p>	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
<p>7. Loại hợp đồng</p>	<p>Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT.</p>

8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa</p>

	thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

	<p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p>

	<p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
21. Trường hợp bất khả kháng	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự</p>

	<p>kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
	<p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p>
	<p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>

23. Thông báo	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
----------------------	--

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa. + Địa chỉ: Số 37 đường Tô Vĩnh Diện, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. + Số tài khoản: 9552.2.8158183 tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIV. + Mã số thuế: 4200681787 + Điện thoại: 0258 3562 204 + Fax: 0258 3562 203</p>
	<p>+ Email: khanhhoadpmu@gmail.com</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Thôn Xuân Phong, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: Theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Theo quy định của pháp luật hiện hành</p>
E-ĐKC 5.1	<p>Các trường hợp khác: Không có trường hợp có quy định khác</p>
E-ĐKC 7	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói.</p>
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng. 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng; - Số lần thanh toán: 02 lần + Lần 1: Sau khi báo cáo khảo sát được phê duyệt, Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu với giá trị tương ứng với công tác khảo sát được nghiệm thu và khấu trừ toàn bộ giá trị tạm ứng cho công tác khảo sát. + Lần 2: Sau khi các hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng còn lại do Nhà thầu tư vấn cung cấp và đã được chủ đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị hợp đồng còn lại và khấu trừ toàn bộ giá trị tạm ứng hợp đồng còn lại.</p>

E-ĐKC 11	<p>Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành là: 365 ngày. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Văn phòng của Chủ đầu tư - Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ tư vấn, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó. - Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn 14 ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục. - Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-ĐKC 17.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 70 ngày
E-ĐKC 13.1	Trong vòng 05 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Xác định trong quá trình thương thảo hợp đồng, phù hợp với các quy định của pháp luật.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: trong vòng 03 ngày (kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư).
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá trị hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	<p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ khi được chủ đầu tư chấp thuận thì những nhà thầu phụ nằm ngoài danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng mới được ký kết hợp đồng thầu phụ, tham gia thực hiện gói thầu. - Nếu nhà thầu chính là nhà thầu nước ngoài khi thực hiện hợp đồng xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam chỉ được ký hợp đồng thầu phụ với các nhà thầu phụ nước ngoài nếu sau khi đã xác định được các nhà thầu phụ trong nước Việt Nam đã không đáp ứng được yêu cầu của gói thầu. - Tổng thầu, nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Nhà Thầu phải trả bồi thường Thiệt hại cho Chủ đầu tư với mức khấu trừ 0,1% giá trị phần công việc chậm thực hiện / ngày. Số tiền Bồi thường thiệt hại tối đa là 12 % giá trị Hợp đồng (khi Nhà thầu gây ra thiệt hại cho Chủ đầu tư)</p>

	<p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế</p>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>+ Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương.</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng công trình được lập không đúng theo các quy định pháp luật liên quan về hình thức và chất lượng.</p>
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Được quy định cụ thể trong Biểu mẫu hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 22.2</p>	<p>Giải quyết tranh chấp: Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng hoặc bất cứ vấn đề nào phát sinh, các bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề, nếu thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ đệ trình vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của pháp luật Việt Nam (hoặc tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa). Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án là quyết định cuối cùng có tính chất bắt buộc đối với các bên.</p>
<p>E-ĐKC 23.1</p>	<p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa</p> <p>+ Địa chỉ: Số 37 đường Tô Vĩnh Diện, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Số tài khoản: 9552.2.8158183 tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIV.</p> <p>+ Mã số thuế: 4200681787</p> <p>+ Điện thoại: 0258 3562 204</p> <p>+ Fax: 0258 3562 203</p> <p>+ Email: khanhhoadpmu@gmail.com</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Áp dụng mẫu Hợp đồng dịch vụ tư vấn được quy định tại Phụ lục II thuộc Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]
 Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]
 Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]
 - Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng

(nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]

Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi hợp đồng có hiệu lực (*trường hợp có tạm ứng*).

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [*Ghi giá trị và đồng tiền*]

[*Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C*].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);
- Giá trị thuế
- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là _____ [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[xác nhận, chữ ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

